

Chủ đề 1:**THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH****1. Liên hợp quốc****a. Bối cảnh lịch sử**

- Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đồng minh nhận thấy cần phải hợp tác để tiêu diệt Chủ nghĩa phát xít.
- Nhu cầu xác lập một tổ chức quốc tế để duy trì hòa bình và trật tự thế giới sau chiến tranh.

b. Quá trình hình thành

- 12/6/1941, Tại Luân Đôn Anh các nước Đồng minh ra bản tuyên bố cùng hợp tác trong cả chiến tranh và hòa bình.
- Từ 4/2 đến 11/2/1945, tại hội nghị I-an-ta (Liên Xô), Liên Xô, Mỹ, Anh thống nhất thành lập Liên Hợp Quốc.
- 24/11/1945, các nước thành viên phê chuẩn Hiến Chương, LHQ chính thức thành lập.

c. Mục tiêu nguyên tắc hoạt động và vai trò của Liên hợp quốc**- Mục tiêu:**

- + Duy trì hòa bình an ninh thế giới.
- + Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia.
- + Hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề về an ninh kinh tế xã hội .
- + Trung tâm điều hòa hành động của các quốc gia nhằm đạt được những mục tiêu chung.

- Nguyên tắc:

- + Bình đẳng về chủ quyền của tất cả các thành viên.
- + Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế.
- + Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình .
- + Không đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế .
- + Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các quốc gia.
- + Không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia.

- Vai trò:

- + Duy trì hòa bình, an ninh quốc tế.
- + Thúc đẩy phát triển.
- + Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa xã hội.

2. Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh

Sự hình thành trật tự thế giới hai cực I-an-ta. nguyên nhân tác động của sự sụp đổ trật tự thế giới hai cực Ianta.

a. Bối cảnh lịch sử

- Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối, nhiều vấn đề cấp bách đặt ra cần giải quyết: nhanh chóng đánh bại chủ nghĩa phát xít; tổ chức lại thế giới sau chiến tranh; phân chia quyền lợi nước thắng trận

b. Sự hình thành trật tự thế giới hai cực I-an-ta

- Từ 4/2 đến 11/2/1945, tại hội nghị I-an-ta(Liên Xô), Liên Xô, Mỹ, Anh Thống Nhất thành lập Liên hợp quốc.

- Sự tồn tại của trật tự thế giới hai cực I-an-ta:

+ Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX: Trật tự thế giới hai cực I-an-ta xác lập và phát triển với sự đối đầu về tư tưởng, chính trị, kinh tế, quân sự,... giữa hai khối

+ Giai đoạn đầu giai đoạn từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991: Trật tự thế giới hai cực I-an-ta xói mòn và đi đến sụp đổ. Sự tan rã của Liên Xô năm 1991 đã chính thức chấm dứt sự tồn tại của trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

c. Nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ trật tự thế giới hai cực I-an-ta

- **Nguyên nhân:** chạy đua vũ trang gây tốn kém; thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của các phong trào quốc gia độc lập; xu thế hòa hoãn, toàn cầu hóa và ảnh hưởng của cách mạng Công nghiệp lần thứ ba; sự khủng hoảng rồi tan rã của Liên Xô

- **Tác động:** một trật tự thế giới mới dần hình thành theo xu thế đa cực; mở ra chiều hướng để giải quyết hòa bình trong các vụ tranh chấp, xung đột; tạo điều kiện cho các cường quốc mới nổi có vị trí, vai trò lớn hơn trong quan hệ quốc tế, ảnh hưởng đến vấn đề dân tộc bản sắc cộng đồng, tôn giáo,... ở nhiều khu vực, đặc biệt là châu Âu.

3. Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh

- Xu thế phát triển chính của thế giới sau chiến tranh lạnh

- Xu thế đa cực, xu thế lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, xu thế đối thoại hợp tác trong quan hệ quốc tế, xu thế toàn cầu hóa.

- Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế :

+ Khái niệm đa cực: là khái niệm chỉ trạng thái địa- chính trị toàn cầu với nhiều trung tâm quyền lực chi phối. trong trật tự đa cực, không có một trung tâm quyền lực thống trị, thay vào đó, nhiều quốc gia, khu vực tạo ra thế cân bằng về kinh tế, chính trị, quân sự toàn cầu
+ Xu thế đa cực: đầu thế kỷ XXI trật tự thế giới từng bước chuyển sang xu thế đa cực, biểu hiện của xu thế này là:

++ Mỹ bị suy giảm sức mạnh tương đối trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.

++ Các trung tâm quyền lực ngày càng vươn lên, khẳng định sức mạnh về kinh tế, quân sự, chính trị đối với thế giới

++ Vai trò của các trung tâm tổ chức kinh tế tài chính quốc tế và khu vực ngày càng lớn.

Chủ đề 2:

ASEAN NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

1. Quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN

a. Hoàn cảnh

- Sau khi giành độc lập các nước Đông Nam Á có nhu cầu hợp tác khu vực
- Sự phát triển của xu thế khu vực hoá trên thế giới
- Nhu cầu muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực

b. Bối cảnh thành lập - Quá trình hình thành

- 1961: Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Phi-lip-pin thành lập Hiệp hội Đông Nam Á (ASA)
- 1963: Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, In-do-ne-xi-a thành lập tổ chức MAPHILINDO
- 1966: Thái Lan gửi dự thảo thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
- 8-8-1967: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan với 5 nước sáng lập là in-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Thái Lan)

c. Mục đích thành lập

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực thông qua hợp tác, hướng tới một Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng.
- Thúc đẩy hoà bình, an ninh khu vực thông qua tôn trọng công lý và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các nước thành viên, tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc
- Thúc đẩy hợp tác, tích cực giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, xã hội văn hóa, khoa học, kĩ thuật, hành chính.

2. Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN

a. 1967-1976: Thành lập và bước đầu phát triển.

- Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất.
- Năm 1971, ASEAN ra Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập.
- Năm 1976, Hiệp ước Ba-li được kí kết đã đánh dấu bước ngoặt của ASEAN.

b. 1976-1999: Thiết lập quan hệ ổn định trong khu vực, mở rộng thành viên và nâng cao vị thế.

- Hội nghị Thượng đỉnh là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất.
- Phát triển số lượng thành viên từ 5 lên 10 nước.
- Tham gia giải quyết nhiều vấn đề chính trị, an ninh lớn như vấn đề Cam-pu-chia.

c. 1999-2015: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác nội khối và hợp tác quốc tế, từng bước chuẩn bị cho sự ra đời của Cộng đồng ASEAN.

- Năm 2007, Hiến chương ASEAN được thông qua.

d. 2015 đến nay: Cộng đồng ASEAN được xây dựng và phát triển.

- Ba trụ cột là Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội.
- ASEAN tăng cường hợp tác và kết nối khu vực, đồng thời không ngừng nâng cao vị thế trong khu vực và trên thế giới.

3. Ý tưởng, mục tiêu, kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

a. Ý tưởng xây dựng

- Năm 1967, trong Tuyên bố Băng Cốc, các nước thành viên đã nêu mục tiêu xây dựng một cộng đồng hoà bình và thịnh vượng ở Đông Nam Á.
- Năm 1997, ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN được khẳng định nhân dịp kỉ niệm 30 năm ngày thành lập ASEAN.
- Năm 1997, Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức lần thứ hai tại Ma-lai-xi-a thông qua văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020.
- Tầm nhìn ASEAN 2020 là văn bản đầu tiên đề xuất ý tưởng xây dựng một cộng đồng ASEAN có nhận thức về các mối quan hệ lịch sử, gắn bó với nhau trong một bản sắc, cùng nhau giữ gìn hoà bình, hướng tới ổn định, tương trợ, hợp tác phát triển phồn vinh, tăng cường vị thế ASEAN trên trường quốc tế.

b. Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là xây dựng một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng, dựa trên cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN.

c. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

- Xây dựng mô hình và cơ sở pháp lí cho Cộng đồng ASEAN thông qua Tuyên bố Ba-II II (2003) và Hiến chương ASEAN (2007).
- 2009-2015:
 - + Nhiều biện pháp tích cực được triển khai nhằm chuẩn bị cho sự thành lập Cộng đồng ASEAN.
 - + Ngày 22-11-2015, các nhà lãnh đạo ASEAN kí Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ. chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN
 - 31-12-2015: Cộng đồng ASEAN chính thức có hiệu lực.

4. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN

a. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN

- Cộng đồng Chính trị – An ninh:

- + Là khuôn khổ hợp tác chính trị - an ninh toàn diện nhằm xây dựng một môi trường hoà bình và an ninh cho phát triển ở khu vực Đông Nam Á.
- + Tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của ASEAN là đồng thuận, không can thiệp vào công việc nội bộ. không sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực, thúc đẩy hoà bình, ổn định và hợp tác khu vực.

- Cộng đồng Kinh tế:

- + Là khuôn khổ hợp tác nhằm xây dựng ASEAN thành một thị trường và một nền tảng sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề.

+ Thúc đẩy chính sách cạnh tranh về kinh tế, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, thương mại điện tử,... hướng tới sự thịnh vượng chung của các quốc gia thành viên và hợp tác khu vực.

- Cộng đồng Văn hoá - Xã hội:

+ Là khuôn khổ hợp tác hướng tới xây dựng một ASEAN lấy con người làm trung tâm và có trách nhiệm xã hội, xây dựng tình đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN bằng cách tạo dựng bản sắc chung, xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc, hoà thuận và rộng mở.

+ Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng Văn hoá - Xã hội gồm:

++ Phát triển con người.

++ Phúc lợi và bảo hiểm xã hội.

++ Các quyền và bình đẳng xã hội.

++ Bảo đảm bền vững môi trường.

++ Tạo dựng bản sắc ASEAN.

++ Thu hẹp khoảng cách phát triển.

b. Triển vọng đối với Cộng đồng ASEAN

- Sự vươn lên của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á.

- Cộng đồng ASEAN đang ngày càng hoàn thiện thể chế, chính sách, cơ chế hợp tác và đạt được nhiều thành tựu.

- Đông Nam Á đã trở thành khu vực phát triển năng động, thịnh vượng mới của thế giới.

- Vị thế của ASEAN ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

c. Thách thức đối với Cộng đồng ASEAN

- Thách thức an ninh đến từ cạnh tranh & chiến lược giữa các nước lớn

- Sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo, khoảng cách, phát triển kinh tế

- Nguy cơ chia rẽ của ASEAN về các vấn đề khu vực và quốc tế.

- Thách thức an ninh phi truyền thống gia tăng, như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh.

Chủ đề 3:

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8/1945 ĐẾN NAY)

1. Cách mạng tháng Tám năm 1945

Cách mạng tháng Tám năm 1945

a. Bối cảnh lịch sử

- Thế giới: 8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc
- Trong nước: Quân Nhật rệu rã, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, dao động....

b. Diễn biến chính

- Ngày 14-8 và ngày 15-8-1945: Khởi nghĩa thắng lợi ở một số xã, huyện thuộc các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh,.....
- Ngày 19 đến ngày 25-8: Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Nghệ An, Hà Tĩnh....
- Ngày 28-8-1945: Đồng Nai Thượng, Hà Tiên là hai tỉnh cuối cùng giành được chính quyền.

c Nguyên nhân thắng lợi

- Chủ quan: Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chí Minh: Truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất của nhân dân Việt Nam
- Khách quan: Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít,...

d. Ý nghĩa lịch sử

- Đối với Việt Nam: Kết thúc ách cai trị hơn 80 năm của thực dân Pháp và gần 5 năm của quân phiệt Nhật. Đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà...
- Đối với thế giới: Cổ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng....

2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

a. Bối cảnh lịch sử

- Thế giới: Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc đang phát triển mạnh...
- Trong nước: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng | hoà vừa mới ra đời đã bị các nước đế quốc liên kết với các thế lực thù địch chống phá

b. Diễn biến chính

- *Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ (1945):*

- + Từ ngày 23-9-1945, quân Pháp gây hấn, mở đầu chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn cùng quân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên chiến đấu.
- + Cuộc chiến đấu ở Nam Bộ đã giáng đòn đầu tiên vào kế hoạch "*đánh nhanh, thắng nhanh*" của Pháp.

- Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950):

+ Từ cuối năm 1946 đến cuối năm 1950, từng bước làm thất bại kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp, tiến đến giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ:

+ Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 (2-1946 2-1947).

+ Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947. + Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.

- Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951-1953)

+ Chính trị: Tháng 2-1951, Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định ~~đưa~~ Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam, Tháng 3-1951, Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam ra đời...

+ Quân sự: Quân đội nhân dân Việt Nam chủ động mở nhiều chiến dịch tiến công trên chiến trường chính Bắc Bộ.

+ Kinh tế: Thủ công nghiệp và công nghiệp, nông nghiệp có bước phát triển mới.

+ Văn hoá: Tiếp tục triển khai thực hiện cuộc Cải cách giáo dục lần thứ nhất.

- Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954):

+ Thực hiện kế hoạch tác chiến trong đông - xuân 1953 1954, bộ đội chủ lực mở một loạt chiến dịch tấn công quân Pháp, làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va

+ Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra qua 3 đợt, từ ngày 13-3-1954 đến ngày 7-5-1954. Chiều ngày 7-5-1954, tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng toàn bộ Bộ Tham mưu của quân Pháp đầu hàng.

3. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)

a. Bối cảnh lịch sử

Thế giới: Phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển mạnh.

Trong nước: Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, Việt Nam tạm thời bị phân chia thành hai miền.

b. Các giai đoạn phát triển chính

- **Giai đoạn 1954 - 1960:** Miền Bắc: hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội. Miền Nam: đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới "Đồng khởi".

- **Giai đoạn 1961-1965:** Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, đẩy mạnh chi viện cho miền Nam; Miền Nam chiến đấu chống chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ.

- **Giai đoạn 1965-1968:** Miền Nam chiến đấu chống chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ; Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, vừa sản xuất và thực hiện nghĩa vụ hậu phương.

- **Giai đoạn 1969 – 1973:** Miền Nam chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ; Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ và thực hiện nghĩa vụ hậu phương.

- **Giai đoạn 1973 - 1975:** Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục thực hiện nghĩa vụ hậu phương, Miền Nam đấu tranh chống "bình định – lấn chiếm", tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn.

c. Nguyên nhân thắng lợi

- Sự lãnh đạo với đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Truyền thống yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm của nhân dân Việt Nam.

- Sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng tiến bộ, hoà bình, dân chủ và các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc, Liên Xô.

4. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay

a. Bối cảnh lịch sử

Đất nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội Quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc và Cam-pu-chia có nhiều dấu hiệu bất ổn.

b. Diễn biến chính của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975

- Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1975-1979):

+ Từ đầu tháng 5-1975 đến năm 1978, tập đoàn Pôn Pốt đã xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ dọc biên giới của Việt Nam.

+ Tháng 12-1978, Pôn Pốt tấn công quy mô lớn vào lãnh thổ Việt Nam. Quân đội nhân dân Việt Nam đã tổ chức phân công, truy kích đối phương đến tận nơi xuất phát.

+ Đầu tháng 1-1979, quân tình nguyện Việt Nam cùng nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me Đỏ.

- Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979-1989):

+ Ngày 17-2-1979, Trung Quốc điều động 32 sư đoàn đồng loạt mở cuộc tấn công vào lãnh thổ Việt Nam.

+ Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sâu tỉnh biên giới phía Bắc, đã đứng lên chiến đấu.

+ Hành động xâm lược Việt Nam của Trung Quốc đã vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của dư luận. Tháng 3-1979, Trung Quốc rút quân về nước.

- Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam ở Biển Đông:

+ Năm 1988, Trung Quốc đưa quân đánh chiếm trái phép một số đảo, bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu để bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia.

+ Năm 2014, Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải li của Việt Nam ở Biển Đông. Việt Nam đã tăng cường lực lượng tại khu vực, đồng thời tích cực đấu tranh ngoại giao, buộc Trung Quốc phải rút giàn khoan.

c. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm

- Ý nghĩa lịch sử:

- + Làm thất bại ý đồ và hành động xâm lược, chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch.
- + Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

- Bài học kinh nghiệm:

- + Phát huy tinh thần yêu nước.
- + củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- + Phát triển, sáng tạo nghệ thuật lãnh đạo và nghệ thuật quân sự.

Chủ đề 4:

CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

1. Bối cảnh các giai đoạn của công cuộc Đổi mới

a. Khởi đầu công cuộc Đổi mới (1986-1995)

- Từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, trước những thay đổi của thế giới và thực trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trong nước Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức được yêu cầu phải đổi mới đất nước
- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1988) đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, mở đầu công cuộc Đổi mới

b. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế (1996-2006)

- Sau 10 năm đổi mới, kinh tế - xã hội Việt Nam đã cơ bản ổn định. đất nước có những tiên đề cần thiết để chuyển sang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế
- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) và lần thứ IX (2001) của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đổi mới, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

c. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng (từ năm 2006 đến nay)

- Sau 20 năm đổi mới, thế và lực của Việt Nam đã lớn mạnh vượt bậc, uy tín quốc tế không ngừng được nâng cao. Tuy vậy nhiều nguy cơ, thách thức vẫn tồn tại. Yêu cầu đặt ra là tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững hơn.
- Các kì Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X đến XIII tiếp tục phát triển đường lối đổi mới, với chủ trương chung là tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng..

2. Nội dung cơ bản đường lối đổi mới qua các giai đoạn

a. Nội dung cơ bản đường lối đổi mới giai đoạn 1986 - 1995

- Đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.
- Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hoá. Đổi mới kinh tế phải gắn với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.
- Đổi mới cơ chế quản lí kinh tế, xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước....
- Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; đổi mới sự lãnh đạo của Đảng.
- Đổi mới chính sách văn hoá - xã hội, phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người là mục đích cao nhất.

- Mở rộng quan hệ với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình.

b. Nội dung cơ bản đường lối đổi mới giai đoạn 1996 – 2006

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá: coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, gần việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với từng bước phát triển kinh tế tri thức.

- Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- Đổi mới hệ thống chính trị, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, củng cố quốc phòng và an ninh.

- Chú trọng phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển giáo dục, y tế và giải quyết các vấn đề xã hội.

- Đa phương hóa, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế; chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

c. Nội dung cơ bản đường lối đổi mới giai đoạn 2006 đến nay

- Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc Đổi mới, phát triển nhận thức về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

- Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh xây dựng chính quyền Đảng: tăng cường quốc phòng và an ninh,

- Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, tiếp tục phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

- Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, chuyển từ hội nhập kinh tế quốc tế sang chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng....

3. Thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới

Chính trị	
Nội dung	<ul style="list-style-type: none">- Hình thành hệ thống quan điểm lí luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.- Tình hình chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm và tăng cường.- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố

	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị được đẩy mạnh. - Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững.
--	---

Kinh tế	
Tăng trưởng kinh tế	Đạt mức khá cao, trung bình khoảng 7% mỗi năm.
Quy mô nền kinh tế	Năm 2020, với GDP đạt mức 342,7 tỉ USD, Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN, trong топ 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới.
Cơ cấu kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, từ nền kinh tế nông nghiệp chuyển sang nền kinh tế công nghiệp - dịch vụ. - Thành phần kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế.
Kinh tế đối ngoại	<ul style="list-style-type: none"> - Kim ngạch xuất nhập khẩu gia tăng, cán cân thương mại chuyển dần từ nhập siêu sang xuất siêu. - Thị trường xuất khẩu được mở rộng theo hướng đa phương hóa, đa dạng hoá. - Đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài đều chuyển biến tích cực.

Xã hội	
Vấn đề lao động, việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách lao động, việc làm của Nhà nước có nhiều chuyển biến phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. - Số lao động được tạo việc làm trong nước tăng lên, trung bình khoảng hơn 1 triệu người mỗi năm.
Công tác xoá đói giảm nghèo	Tỉ lệ hộ nghèo trên cả nước giảm nhanh. Giai đoạn 2016 - 2020, Việt Nam là một trong 30 quốc gia đầu tiên trên thế giới và là quốc gia đầu tiên ở châu Á áp dụng chuẩn nghèo đa chiều.
Một số lĩnh vực khác	Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, thực hiện chính sách ưu đãi người có công và chính sách an sinh xã hội đạt nhiều tiến bộ.

Văn hoá

Xây dựng và phát triển văn hoá đất nước	<ul style="list-style-type: none"> - Chú trọng bảo tồn, kế thừa và phát huy nhiều giá trị văn hoá truyền thống, di sản văn hóa của dân tộc. - Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hoá phát triển phong phú, đa dạng - Hoạt động giao lưu, hợp tác về văn hóa được đẩy mạnh dưới nhiều hình thức.
Giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành xoá mù chữ, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010. - Nhiều chỉ số về giáo dục phổ thông của Việt Nam được đánh giá cao trong khu vực. - Vị thế của giáo dục đại học Việt Nam được nâng lên trong bảng xếp hạng châu Á và thế giới - Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam liên tục tăng.

Hội nhập quốc tế	
Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia và vùng lãnh thổ, các tổ chức khu vực và quốc tế. - Tham gia các hiệp ước, hiệp định song phương và đa phương về thương mại, an ninh, ngoại giao, trao đổi văn hóa, du lịch..... - Đề xuất sáng kiến và tham gia giải quyết các vấn đề của khu vực và quốc tế.

4. Một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới

- Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Nguyên tắc hàng đầu trong quá trình đổi mới là bảo đảm độc lập dân tộc và kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp:
 - + Đổi mới cần tiến hành đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, ở tất cả các cấp từ trung ương đến địa phương.
 - + Muốn đổi mới có hiệu quả và bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, xã hội, cần có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
- Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân:
 - + Bảo đảm lợi ích của nhân dân là phương thức hiệu quả nhất để khơi dậy tiềm năng trong nhân dân.
 - + Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân gần biến thực hiện nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

- Kết hợp nội lực và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới:
- + Phát huy nội lực, coi nội lực là nhân tố quyết định, đồng thời kết hợp với khai thác ngoại lực.
- + Kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Chủ đề 5:

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI

A KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975

a. Hoạt động đối ngoại của một số nhà yêu nước Việt Nam tiêu biểu đầu thế kỉ XX

* Phan Bội Châu

- Từ năm 1905 đến năm 1908: Sang Nhật Bản, tìm kiếm sự ủng hộ đối với công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam; tổ chức phong trào Đông du.
- Từ năm 1909 đến năm 1925: Hoạt động chủ yếu ở Trung Quốc, thành lập và triển khai các hoạt động của Việt Nam Quang phục Hội; cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài.

* Phan Châu Trinh

- Năm 1906: Sang Nhật Bản, tìm kiếm sự ủng hộ đối với công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam; tổ chức phong trào Đông du.
- Từ năm 1911 đến năm 1925: Hoạt động tại Pháp, tìm cách thức tình dư luận Pháp về tình hình Việt Nam, tranh thủ sự giúp đỡ cho cách mạng Việt Nam.

* Nguyễn Ái Quốc

- Từ năm 1918 đến năm 1920: Gia nhập Đảng Xã hội Pháp; gửi bản Yêu sách của nhà dân An Nam đến Hội nghị Véc-xai; bỏ phiếu tán thành Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
- Từ năm 1921 đến năm 1930: Tham dự nhiều hoạt động của Quốc tế Cộng sản Liên Xô, Trung Quốc; tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa và Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

b. Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương thời kì 1930 – 1945

Thời gian	Hoạt động
Giai đoạn 1930-1940	<ul style="list-style-type: none">- Duy trì liên lạc với Quốc tế Cộng sản, các đảng cộng sản và phong trào vô sản.- Thể hiện sự ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.- Tìm kiếm sự giúp đỡ đối với công cuộc giải phóng dân tộc của Việt Nam.
Giai đoạn 1941-1945	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua Mặt trận Việt Minh, thể hiện chủ trương ủng hộ Liên Xô cùng lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến chống phát xít.- Tiến hành vận động ngoại giao để tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của lực lượng Đồng minh.

c. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

- Từ năm 1945: Tìm kiếm sự công nhận và giúp đỡ của quốc tế đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Trước ngày 6-3-1946: Thực hiện chính sách ngoại giao mềm mỏng với quân đội Trung Hoa Dân Quốc, kiên quyết chống thực dân Pháp xâm lược.
- Từ ngày 6-3-1946: Ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946): kí với Pháp Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946).
- 1947-1949: Thiết lập cơ quan đại diện ngoại giao, phòng Thông tin tại một số nước; cử đại diện tham gia một số hội nghị quốc tế và khu vực.
- Năm 1950: Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô và một số nước Đông Âu.
- Năm 1951: Tổ chức hội nghị thành lập Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào
- Năm 1954: Cử phái đoàn ngoại giao tham dự hội nghị và kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương.

d. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)

Hoạt động	Những sự kiện tiêu biểu
Đấu tranh yêu cầu thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ	Từ năm 1954 đến năm 1958, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhiều lần gửi công hàm cho chính quyền Sài Gòn và các bên liên quan, yêu cầu thực hiện nội dung của Hiệp định Giơ-ne-vơ.
Củng cố, phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa	Chủ tịch Hồ Chí Minh và lãnh đạo cấp cao của Việt Nam đã có nhiều cuộc tiếp xúc với lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc, Liên Xô.
Tăng cường mối quan hệ đoàn kết giữa ba nước Đông Dương	- Năm 1965, Hội nghị nhân dân ba nước Đông Dương diễn ra tại Phnôm Pênh (Cam-pu-chia). - Năm 1970, Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương ra tuyên bố chung.
Đàm phán, kí kết Hiệp định Pa-ri	- Năm 1968, đàm phán chính thức giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Mỹ diễn ra tại Pa-ri - Năm 1973, Hiệp định Pa-ri được kí kết.
Mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước	Việt Nam thiết lập, mở rộng quan hệ ngoại giao với nhiều nước như: Cu-ba (1960), Ca-mo-run (1972), Hà Lan, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Pháp (1973), Nê-pan, Ni-giê-ri-a (1975)....
Đẩy mạnh đối ngoại nhân dân	Năm 1968, Uỷ ban Việt Nam đoàn kết với nhân dân Mỹ được thành lập.

2. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1975 đến nay

a. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975-1985

Hoạt động	Những sự kiện tiêu biểu
Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô	- Năm 1978, Việt Nam và Liên Xô kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác

và các nước xã hội chủ nghĩa	- Năm 1978, Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) và kí nhiều hiệp ước với các nước xã hội chủ nghĩa.
Phát triển quan hệ với các nước láng giềng Đông Nam Á, thúc đẩy đối thoại với ASEAN	- Năm 1977, Việt Nam và Lào kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác - Năm 1979, Việt Nam giúp nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me Đỏ.
Tham gia và đóng góp tích cực vào Phong trào Không liên kết	Năm 1976, nước Việt Nam thống nhất chính thức gia nhập Phong trào Không liên kết.
Phát triển quan hệ đối ngoại với các quốc gia và tổ chức quốc tế	Năm 1977, Việt Nam trở thành thành viên Liên hợp quốc.
Bước đầu đàm phán bình thường hoá quan hệ với Mỹ	Từ năm 1977, nhiều cuộc hội đàm Việt - Mỹ đã diễn ra tại Pa-ri và Hà Nội.

b. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay

Hoạt động	Những sự kiện tiêu biểu
Phá thế bao vây, cô lập, cấm vận	- Năm 1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao. - Năm 1995, Việt Nam và Mỹ bình thường hoá quan hệ ngoại giao.
Củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với Lào, Cam-pu-chia	Năm 2005, lãnh đạo cấp cao Việt Nam và Cam-pu-chia nhất trí phát triển quan hệ song phương theo phương châm: Láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài.
Tham gia ASEAN, thúc đẩy hoạt động đối ngoại ở Đông Nam Á	- Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN, - Việt Nam đảm nhiệm vai trò nước Chủ tịch ASEAN vào các năm 1998, 2010, 2020.
Thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác	Từ năm 2008 đến năm 2023, Việt Nam lần lượt thiết lập, nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản.
Gia nhập và đóng góp tích cực đối với các tổ chức, diễn đàn quốc tế	- Năm 2007, Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). - Năm 2014, Việt Nam lần đầu tiên cử quân nhân tham gia hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc.
Đàm phán, thương lượng nhằm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ,	- Năm 1997, Việt Nam và Thái Lan kí Hiệp định phân định ranh giới trên biển.

an ninh biên giới quốc gia; giải quyết tranh chấp, bất đồng trong vấn đề biên giới.	- Năm 2000, Việt Nam và Trung Quốc kí Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ.
Mở rộng các hoạt động đối ngoại như hỗ trợ nhân đạo, cứu hộ thảm họa thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu,...	- Năm 1998, Việt Nam ký Nghị định thư Ky-ô-tô. - Năm 2023, Việt Nam hỗ trợ khẩn cấp về tài chính và cử lực lượng quân đội tham gia hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa tại Thổ Nhĩ Kỳ.

Chủ đề 6:

HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

1. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

a. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

- **Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh:**

+ *Hoàn cảnh đất nước:* Cuối thế kỉ XIX, các phong trào yêu nước chống Pháp đều lần lượt thất bại.

+ *Hoàn cảnh quê hương:* Là địa phương có truyền thống hiếu học và khoa bảng, người dân cần cù, chịu khó

+ *Hoàn cảnh gia đình:* Xuất thân trong một gia đình nhà nho yêu nước.

- **Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh:**

+ *Từ năm 1890 đến năm 1911:*

- Sinh ngày 19/5/1890 tại Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An.
- Năm 1910: dạy học tại Trường Dục Thanh ở Phan Thiết rồi vào Sài Gòn (1911)

+ *Từ năm 1911 đến năm 1919:*

- Năm 1911: Nguyễn Tất Thành lấy tên là Văn Ba, sang phương Tây tìm đường cứu nước Năm 1918: tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp.
- Năm 1919: gửi bản Yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Véc-xai để đòi quyền lợi cho dân tộc Việt Nam.

+ *Từ năm 1920 đến năm 1945:*

- Chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho cách mạng Việt Nam.
- Tháng 8-1945: cùng với Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, đưa tới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (2-9-1945).

+ *Từ năm 1945 đến năm 1969:*

- Lãnh đạo nhân dân bên hành kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và chống Mỹ, cái nước (từ năm 1954 đến năm 1969), tham gia xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa
- Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần tại Hà Nội

2. Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc

a. Hành trình đi tìm đường cứu nước (1911-1920)

- Từ năm 1911: đi qua nhiều châu lục, làm nhiều công việc để vừa kiếm sống vừa tìm hiểu thực tiễn.

- Tháng 7-1920: đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin, đi đến khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản.

b. Chuẩn bị và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1921-1930)

- Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức.

- Năm 1930, triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo kéo dài nhiều thập kỉ.

c. Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945

- Triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941) tại Pác Bó (Cao Bằng).

- Sáng lập Mặt trận Việt Minh (19-5-1941).

- Xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng.

- Lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

d. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

- Giai đoạn 1945 - 1946: đưa cách mạng Việt Nam vượt qua nhiều khó khăn, thử thách; kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946).

- Giai đoạn 1946-1954: cùng với Đảng và Chính phủ lãnh đạo nhân dân cả nước kết hợp thực hiện hai nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc.

e. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (từ năm 1954 đến năm 1969)

Có những đóng góp to lớn đối với việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược của cách mạng ở hai miền Nam - Bắc và nhiệm vụ chung của cả nước.

3. Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam

a. Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới

- Năm 1987, cuộc họp của Đại hội đồng UNESCO lần thứ 24 ở Pa-ri (Pháp) đã ra Nghị quyết số 240/18.65, ghi nhận: Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có đóng góp quan trọng về nhiều mặt trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, giáo dục, nghệ thuật, nhân cách, lối sống...

b. Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến và hi sinh cả cuộc đời cho dân tộc Việt Nam.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là tấm gương sáng về đạo đức, phẩm chất, lối sống cho các thế hệ người dân Việt Nam.

- Sự vinh danh và tri ân của nhân dân Việt Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh được nối tiếp qua nhiều thế hệ với những hình thức khác nhau: xây dựng công trình tưởng niệm, xây dựng hình tượng, nhân cách trong văn học, nghệ thuật...

----- **HẾT** -----